

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2022
V/v: Chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà và ông Nguyễn Văn Kiệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; địa chỉ cư trú: Số 29, đường Tr, tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hữu T, sinh năm 1987; đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam; địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Vũ Hải H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3.2. Anh Phạm Quang H1, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Trần Hữu Ch; có mặt.

4.2. Anh Trần Dương B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2022 của nguyên đơn chị Trần Thị L, bản khai, lời khai và lời trình bày của chị Trần Thị L; lời khai của bị đơn anh Trần Hữu T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T kết hôn với nhau năm 2013, sau quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Sau khi ly hôn chị Trần Thị L khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng, cụ thể như sau:

Về đất: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; địa chỉ: Xóm 8 (nay là Tổ dân phố Vĩnh Tiến), thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/5/2019, tên chủ sử dụng: Ông Trần Hữu T, bà Trần Thị L.

Tài sản trên đất, đồ dùng sinh hoạt: 01 căn nhà một tầng, diện tích 81,6m² xây dựng năm 2013; 01 tivi Sony 49 inch, 01 điều hoà fuji 2 chiều 12000 CPU, 01 máy giặt LG, 01 tủ lạnh Tosiba 180L; 01 xe Honda Lead mua năm 2019 BKS 90B3-04479, tên đăng ký xe Trần Hữu T.

Các khoản tiền vợ chồng cho vay gồm: Cho ông Vũ Hải H, ở tổ dân phố V, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam vay 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng; anh Phạm Quang H1 ở thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam vay 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Các khoản tiền cho vay trên đều có giấy vay tiền do anh H và anh H1 tự viết và ký tên.

Anh Trần Hữu T thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân anh và chị Trần Thị L có những tài sản chung như chị L trình bày như trên. Đối với số tiền cho anh Vũ Hải H vay 120.000.000 đồng và anh Phạm Quang H1 vay 100.000.000 đồng thì anh H và anh H1 đã trả anh số tiền này, anh đã dùng để chi tiêu hết cho gia đình nay không còn các khoản tiền này. Anh cũng đề nghị Toà án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Quang H trình bày: Ngày 15/3/2021 anh có vay của anh Trần Hữu T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), vay không có lãi suất. Đến tháng 10/2021 anh đã trả cho anh T số tiền 100.000.000 đồng nhưng khi trả không viết giấy trả nợ, nay không còn nợ anh T khoản tiền gì.

Anh Vũ Hải H1 trình bày: Ngày 11/11/2021 anh có vay của vợ chồng anh T, chị L số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), vay không có lãi suất. Đến tháng 12/2021 anh đã trả cho anh T số tiền 120.000.000 đồng nhưng khi trả tôi không viết giấy trả nợ, nay không còn nợ anh T, chị L khoản tiền gì.

Đến ngày 20/7/2022 chị Trần Thị L tự nguyện xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện chia các tài sản gồm: 01 tivi Sony 49 inch, 01 điều hoà fuji 2 chiều 12000 CPU, 01 máy giặt LG, 01 tủ lạnh Toshiba 180L; 01 xe Honda Lead mua năm 2019 BKS 90B3-04479 (tên đăng ký xe Trần Hữu T). Chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện này với lý do anh T cố tình giấu các tài sản trên và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Hội đồng định giá tài sản trong dân sự đã định giá tài sản tranh chấp giữa chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T như sau: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam giá trị là 180.420.000 đồng. Tài sản trên đất là 01 căn nhà một tầng, diện tích 81,6m² xây dựng năm 2013 trị giá còn lại là 192.560.000 đồng. Tổng tài sản tranh chấp gồm nhà và đất là 372.980.000 (Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Đến ngày 23/9/2022 anh Trần Hữu T nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng và các khoản nợ trước khi ly hôn, cụ thể:

Ngày 30/4/2017, anh Trần Hữu T có vay của anh Chu Văn Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 20/4/2019, anh Trần Hữu T có vay của anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 2, ngõ 279, tổ 5 phường Th, quận L, thành phố Hà Nội số tiền 500.000.000 đồng.

Tài sản chung của anh và chị L do chị L đang quản lý gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển kiểm soát 90B1-153.06, 01 máy tính xách tay Acer, một số trang sức và 80.000.000 đồng tiền mặt. Mảnh đất ruộng đã vượt đất lên làm vườn chung với ông Y, diện tích 510m² năm 2014 tại thôn 5, xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Tổng giá trị tài sản chị L đang quản lý khoảng 150.000.000 đồng.

Anh Trần Hữu T có đơn đề nghị Toà án xem xét lại giá trị đất và tài sản trên đất đã định giá như vậy là thấp, không phù hợp với giá trị thực tế thị trường.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Trần Thị L có quan điểm: Đề nghị Toà án chia tài sản chung của chị và anh Trần Hữu T gồm thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; tài sản trên đất là một nhà mái bằng. Trị giá tài sản là 372.980.000 (Ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng và 220.000.000 đồng tiền mặt. Toàn bộ số tài sản trên hiện do anh T đang quản lý; chị L đề nghị được sử dụng hiện vật là nhà và đất vì sau khi ly hôn chị được toà án giao nuôi con nhỏ nên cần có chỗ ở ổn định, hiện chị phải thuê nhà để mẹ con sinh sống, giao anh T sử dụng số tiền mặt, chị L có điều kiện kinh tế

để thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh T. Về các tài sản gồm xe máy, đồ dùng sinh hoạt tại đơn khởi kiện chị L có yêu cầu Toà án chia sau đó đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết các tài sản này, tại phiên Toà cũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với việc anh Trần Hữu T có đơn yêu cầu Toà án giải quyết về một số tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển kiểm soát 90B1-153.06, 01 máy tính xách tay Acer, một số trang sức và 80.000.000 đồng. Mảnh đất ruộng đã vượt đất lên làm vườn chung với ông Y, diện tích 510m² năm 2014 tại Thôn 5, xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, trị giá khoảng 150.000.000 đồng và đề nghị giải quyết về một số khoản nợ. Chị L xác định chị và anh T không có các tài sản và các khoản nợ như anh T trình bày nên không chấp nhận yêu cầu này của anh T.

Về tiền chi phí thẩm định, định giá chị L đã nộp nay yêu cầu anh T phải chịu một phần khoản tiền này theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn anh Trần Hữu T trình bày: Anh và chị Trần Thị L kết hôn với nhau năm 2013, sau quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên năm 2022 vợ chồng đã Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam giải quyết ly hôn, chị L là người nuôi con chung như chị L trình bày là đúng. Sau khi Toà án giải quyết ly hôn một thời gian anh chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 5, xã Bồ Đề, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam sinh sống; anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng do Toà án đóng đạt, do công việc nên anh không đến Toà án làm việc.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T có ý kiến như sau: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị L có những tài sản chung là thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; năm 2013 anh và chị L đã xây dựng một căn nhà mái bằng; anh và chị L có mua 01 xe máy và một số đồ dùng sinh hoạt, anh là người quản lý toàn bộ số tài sản trên. Chị L đã rút yêu cầu chia đối với xe máy và đồ dùng sinh hoạt anh hoàn toàn nhất trí. Riêng về giá trị nhà và đất nếu Toà án giao cho anh được sở hữu bằng hiện vật thì anh đồng ý với giá trị như Hội đồng định giá đã quyết định; trường hợp chị L muốn sử dụng nhà và đất thì phải thanh toán cho anh 500.000.000 đồng.

Đối với số tiền 220.000.000 đồng là tài sản của anh và chị L cho anh Vũ Hải H và anh Phạm Quang H1 vay. Năm 2021 anh H và anh H1 đã trả toàn bộ các khoản tiền vay, anh là người nhận và đã chi tiêu gia đình hết nay không còn. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu của chị L về chia tài sản chung đối với khoản tiền mặt.

Sau phiên toà ngày 16/9/2022 anh T đã nộp cho toà án đơn yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và giải quyết về công nợ. Tổng giá trị tài sản chị L đang

quản lý là khoảng 150.000.000 đồng; công nợ yêu cầu toà án giải quyết là 700.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng, án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan thẩm quyền tố tụng và của Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L, chia tài sản sau khi ly hôn của chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T.

Xác định chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T có các tài sản chung gồm: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; tài sản trên đất gồm 01 căn nhà mái bằng một tầng, diện tích 81,6m² xây dựng năm 2013; tiền mặt là 220.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 592.980.000 (Năm trăm chín mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng, toàn bộ số tài sản trên do anh L đang quản lý, sử dụng.

Chia cho chị Trần Thị L được quyền sở hữu toàn bộ thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam và 01 căn nhà một tầng, diện tích 81,6m² xây dựng năm 2013.

Chị Trần Thị L phải thanh toán cho anh Trần Hữu T số tiền 76.490.000 (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng.

Chia cho anh Trần Hữu T được quyền sở hữu số tiền 220.000.000 đồng hiện anh T đang quản lý và được nhận số tiền 76.490.000 (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng chênh lệch giá trị tài sản do chị Trần Thị L thanh toán trả.

Chi phí tố tụng: Anh Trần Hữu T phải trả chị Trần Thị L số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.450.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Bác yêu cầu chia tài sản và giải quyết về công nợ của anh Trần Hữu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị Trần Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tài sản tranh chấp: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T đã cùng nhau tạo lập được các tài sản gồm: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; địa chỉ: Tại xóm 8 (nay là Tổ dân phố Vĩnh Tiến), thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/5/2019, tên chủ sử dụng: Ông Trần Hữu T, bà Trần Thị L. Nguồn gốc thửa đất anh T, chị L đều khai nhận mua của anh Trần Dương B là anh trai của chị L đồng thời là người làm chứng trong vụ án.

Tài sản trên đã được định giá gồm: Đất ở đô thị 75m² x 2.300.000 đồng/m² = 172.500.000 đồng; đất trồng cây lâu năm 6,6m² x 1.200.000 đồng/m² = 7.920.000 đồng; tài sản trên đất là 01 căn nhà mái bằng một tầng, diện tích 81,6m² xây dựng năm 2013 trị giá còn lại là 192.560.000 đồng.

Tài sản là tiền mặt Việt Nam đồng: Chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T còn cho ông Vũ Hải H vay 120.000.000 đồng và Phạm Quang H1 vay 100.000.000 đồng; anh H và anh H1 đều có lời khai xác nhận có vay tiền và đã trả cho anh T khoản tiền trên, các bên không còn nợ nần gì. Chị L và anh T cũng thống nhất số tiền 220.000.000 đồng là tài sản chung, tuy nhiên anh T cho rằng đã sử dụng hết vào việc gia đình và mua sắm đồ dùng sinh hoạt, nhưng không chứng minh được là dùng vào việc gì. Chị Trần Thị L trình bày thời điểm anh H và anh H1 trả tiền cho anh T thì chị và anh T đã sống ly thân nhau nên việc anh T sử dụng khoản tiền trên vào việc cá nhân chứ không chi tiêu cho gia đình như anh T trình bày. Vì vậy quan điểm của anh T không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy có đủ căn cứ xác định trong thời kỳ hôn nhân, chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T đã tạo dựng, kiến thiết được khối tài sản chung là thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m²; 01 căn nhà mái bằng một tầng, diện tích 81,6m² xây dựng năm 2013 và số tiền mặt cho vay là 220.000.000 đồng. Tổng tài sản chung của chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T là 592.980.000 (Năm trăm chín mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng.

Xét công sức đóng góp hình thành số tài sản trên, Hội đồng xét xử thấy chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T đều có công sức đóng góp, tạo lập nên mỗi người được hưởng một nửa (50%) số tài sản này.

[3] Về chia tài sản tranh chấp:

Xét yêu cầu chia tài sản chung bằng hiện vật của chị Trần Thị L, Hội đồng xét xử thấy: Khi ly hôn chị L được giao nuôi con chung của chị L và anh T là cháu Trần Quốc A, sinh ngày 11/10/2013, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Chị L và cháu Quốc A hiện không có nơi ở, đang thuê nhà để mẹ con sinh sống. Anh Trần Hữu T sau khi ly hôn thì quản lý tài sản chung một thời gian sau đó về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn 5, xã Bò Đề, huyện

Bình Lục, tỉnh Hà Nam; hiện căn nhà đang đóng cửa bỏ không, bản thân anh T không có nhu cầu sử dụng, tại Toà án T cũng trình bày không có tiền thanh toán chênh lệch tài sản trả cho chị L. Vì vậy, nên giao toàn bộ ngôi nhà và thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Tiến, thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam cho chị L quản lý, sử dụng để ổn định cuộc sống. Chị L có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản cho anh T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền ông Vũ Hải H trả nợ 120.000.000 đồng và Phạm Quang H1 trả nợ 100.000.000 đồng, anh T là người đang quản lý số tiền này nên giao anh T tiếp tục quản lý, sử dụng số tiền 220.000.000 đồng và đối trừ khi chia tài sản chung của vợ chồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản hết 2.900.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T phải chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chịu phần chi phí định giá tài sản theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà các bên được chia.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo.

[7] Đối với các vấn đề khác:

Tại phiên tòa sơ thẩm lần một ngày 16/9/2022, anh Trần Hữu T nộp đơn đề nghị Tòa án xem xét lại kết quả định giá về đất và tài sản trên đất đang có tranh chấp trong vụ án, vì cho rằng mức giá như vậy là thấp không phù hợp. Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân đã có công văn gửi Hội đồng định giá kèm theo đơn của anh Trần Hữu T. Ngày 29/9/2022 Hội đồng định giá tài sản huyện Lý Nhân có công văn trả lời việc kết luận về giá đối với nhà và đất trong vụ án trên cơ sở các quy định của pháp luật và có tham khảo giá thị trường như vậy là phù hợp với thực tế. Việc anh Trần Hữu T có đơn đề nghị xem xét lại mức giá, tuy nhiên anh T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì nên quan điểm của anh Trần Hữu T không có cơ sở để xem xét.

Ngày 23/9/2022 nguyên đơn anh Trần Hữu T giao nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, giấy vay tiền, hợp đồng cho cá nhân vay tiền; ngoài ra anh T không xuất trình tài liệu nào khác. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho anh T, tiến hành lấy lời khai người làm chứng của ông Trần Hữu Ch, sinh năm 1953; nơi cư trú: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam là bố đẻ của anh T. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn anh Trần Hữu T đã biết việc Tòa án giải quyết vụ án, nhưng anh T không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố

trước thời điểm mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Do đó đơn yêu cầu giải quyết về công nợ của bị đơn anh Trần Hữu T không được toà án chấp nhận thụ lý, giải quyết trong vụ án này. Đương sự tranh chấp có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 219, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L, chia tài sản sau khi ly hôn của chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T.

Xác định chị Trần Thị L và anh Trần Hữu T có các tài sản chung gồm: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng; địa chỉ: Tại xóm 8 (nay là Tổ dân phố Vĩnh Tiến), thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/5/2019, tên chủ sử dụng: Ông Trần Hữu T, bà Trần Thị L; tài sản trên đất gồm 01 căn nhà mái bằng một tầng, diện tích 81,6m² xây dựng năm 2013 trị giá 372.980.000 đồng và số tiền mặt Việt Nam đồng là 220.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 592.980.000 (Năm trăm chín mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng. Toàn bộ số tài sản trên do anh Trần Hữu T đang quản lý, sử dụng.

2. Chia tài sản chung:

Chia cho chị Trần Thị L được quyền sở hữu toàn bộ thửa đất số 144, tờ bản đồ số 33, diện tích 81,6m² loại đất sử dụng riêng và tài sản trên đất gồm 01 nhà một tầng, diện tích 81,6m²; địa chỉ: Xóm 8 (nay là Tổ dân phố Vĩnh Tiến), thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Chị Trần Thị L phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Trần Hữu T số tiền 76.490.000 (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng.

Chia cho anh Trần Hữu T được quyền sở hữu số tiền 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng hiện anh T đang quản lý và được nhận số tiền 76.490.000 (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng do chị L thanh toán trả.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Trần Hữu T phải trả chị Trần Thị L số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản là 1.450.000 (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị L phải chịu 14.824.500 đồng, trừ số tiền 12.000.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai số AA/2015/0001106 ngày 25/4/2022, chị L còn phải nộp tiếp số tiền 2.824.500 (Hai triệu tám trăm hai mươi tư nghìn năm trăm) đồng.

Anh Trần Hữu T phải chịu 14.824.500 (Mười bốn triệu tám trăm hai mươi tư nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND thị trấn Vĩnh Trụ.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy